

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hùng Cường

Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 và 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2019/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/HSST-QĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Biện Nhật N (C), sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1964) và bà Biện Thị S (đã chết); tiền án: Ngày 03/02/2015, Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 17/7/2015; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/3/2009, Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2018; có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Minh T (T), sinh năm 1999 tại An Giang; Nơi ĐKKHKT: Ấp 3, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc T (sinh năm 1964); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Trần Tuấn K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

+ Anh Ngô Minh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 21/4/2018, Biện Nhật N đang ngồi ăn uống tại Trạm chờ xe buýt P thuộc Tổ dân phố Đ, thị trấn D thì nhìn thấy anh Ngô Minh T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 79D1-336.45 đi ngang qua nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh T. N gọi anh T vào ăn uống cùng, đến khoảng 21 giờ N mượn xe của anh T để đi mua bia về uống và được anh T đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79D1-336.45 của anh T đến khu vực Quảng trường 2/4 thành phố N và bán cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 1.500.000đ, lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 19 giờ ngày 02/9/2018, Biện Nhật N đến nhà anh Trần Tuấn K tại thôn B, xã D ăn uống, Nam nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 79X1-004.40 của anh Khanh nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N mượn xe mô tô để đi mua nước đá, anh K đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79X1-004.40 lên thị trấn K để tìm nơi tiêu thụ. Ngày 04/9/2018, N đến tiệm sửa xe T tại Tổ dân phố số 02, thị trấn K, huyện V đề nghị bán xe mô tô biển kiểm soát 79X1-004.40 cho Phan Minh T với giá 1.000.000đ. T biết rõ xe do N phạm tội mà có nhưng vẫn mua để sử dụng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện D, N và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01 ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định tại thời điểm xảy ra vụ việc xe mô tô biển kiểm soát 79D1-336.45 trị giá 12.025.000đ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54 ngày 17/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định tại thời điểm xảy ra vụ việc xe mô tô biển kiểm soát 79X1-004.40 trị giá 7.200.000đ.

Cáo trạng số 14/CT- VKSDK ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Biện Nhật N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phan Minh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo N và T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Anh K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về vấn đề dân sự nên không xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại anh T, buộc bị cáo N bồi thường cho

anh T số tiền 12.025.000đ. Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị hại anh T tại phiên tòa yêu cầu bị cáo N phải bồi thường số tiền 12.025.000đ liên quan đến tài sản mà bị cáo N đã chiếm đoạt của anh T theo như biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D lập ngày 03/01/2019.

Bị cáo N và T tại phiên tòa thống nhất và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo N đồng ý bồi thường số tiền 12.025.000đ theo yêu cầu của bị hại anh T đã nêu ra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Bị hại anh Trần Tuấn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, anh K và ông H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về vấn đề bồi thường dân sự nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên huyện Diên Khánh: Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng các quy định tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố liên quan đến việc giải quyết vụ án trên.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, **các bị cáo Biện Nhật N và Phan Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố.** Bị cáo N khai vào ngày 21/4/2018 và ngày 02/9/2018, để có tiêu xài bị cáo lợi dụng sự tin tưởng từ phía bị hại đã có hành vi gian dối chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 79D1-336.45 của anh Ngô Minh T, có trị giá 12.025.000đ và xe mô tô biển kiểm soát 79X1-004.40 của anh Trần Tuấn Khanh có trị giá 7.200.000đ. Bị cáo T khai khi bị cáo Nam bán xe mô tô biển kiểm soát 79X1-004.40 cho T, bị cáo biết đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì ham giá rẻ, bị cáo vẫn đồng ý mua để có phương tiện sử dụng đi lại.

Lời khai nhận trên của bị cáo N và T phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Cáo trạng số 14/CT-VKSDK ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy bị cáo Biện Nhật N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phan Minh T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo N đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, sự tin tưởng của bị hại, trong một thời gian ngắn từ tháng 04/2018 đến tháng 09/2018, bị cáo đã liên tiếp thực hiện 02 vụ chiếm đoạt tài sản của người khác. Bản thân bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nhân thân từng bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”. Nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm và phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, việc bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cho thấy bị cáo rất ngoan cố, không chịu sửa chữa, tu dưỡng bản thân, lo làm ăn lương thiện, thể hiện sự xem thường pháp luật, kỷ cương của Nhà nước. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với bị cáo T mặc dù không hứa hẹn trước nhưng vì ham lợi, mua xe với giá rẻ nên Trung đã đồng ý tiêu thụ tài sản do bị cáo Nam thực hiện hành vi trái pháp luật mà có. Xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, giá trị tài sản mà bị cáo tiêu thụ không lớn, đã thu hồi trả lại cho bị hại, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo và xem xét mức hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo T đã gây ra.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Tuấn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Bị hại anh T và bị cáo N tại phiên tòa đều thống nhất về mức yêu cầu bồi thường liên quan đến tài sản mà bị cáo N đã chiếm đoạt của anh T, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này, buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh T số tiền 12.025.000đ.

[6]. Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T;

- Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Bị cáo Biện Nhật N (C) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2018.
- Bị cáo Phan Minh T (T) 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Biện Nhật N phải bồi thường cho anh Ngô Minh T số tiền 12.025.000đ (*Mười hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).
- Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh Trần Tuấn K và ông Nguyễn Chí H có yêu cầu.

3. Về án phí: Bị cáo Biện Nhật N và Phan Minh T mỗi người phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Biện Nhật N phải nộp 601.250đ (*Sáu trăm lẻ một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS D;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

